

Phụ lục 5
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030
Danh mục dự án dự kiến quyết toán hoàn thành

(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN (*)	Đầu mối giao kế hoạch	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/Quyết định phê duyệt quyết toán			Luỹ kế vốn giải ngân dự kiến đến ngày 31/01/2026		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030 NSDP	Ghi chú
				Số Quyết định	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách địa phương		
					Tổng số	Trong đó: NSDP				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	12
	TỔNG SỐ				11.616.841	7.373.923	9.071.296	5.508.220	200.000	
A	Dự án của tỉnh				9.144.165	4.997.655	7.161.372	3.680.267	-	
(1)	BQLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh				1.266.800	690.035	1.168.622	596.213	-	
1	Trung tâm y tế huyện Sơn Tịnh	BQLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2022-2025	2063/QĐ-UBND ngày 20/12/2022	145.399	19.999	136.450	11.000		
2	Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện đa khoa Đặng Thùy Trâm	BQLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2022-2025	2064/QĐ-UBND ngày 20/12/2022	94.372	14.372	90.550	14.000		
3	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	BQLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2022-2025	801/QĐ-UBND ngày 22/6/2022	150.000	150.000	127.550	127.550		
4	Nhà A3 Tỉnh ủy	BQLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2020-2025	2096/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	65.400	65.400	60.956	60.956		
5	Trung tâm hội nghị và triển lãm tỉnh	BQLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2022-2025	1386/QĐ-UBND ngày 11/10/2022	300.000	100.000	288.550	89.500		
6	Nâng cấp, cải tạo và đầu tư hoàn thiện các KDC trong KKT Dung Quất	BQLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2022-2025	268/QĐ-BQL ngày 30/8/2024	29.300	29.300	25.600	25.600		
7	Trường THPT Chu Văn An - XD Khu thể chất và các hạng mục phụ trợ	BQLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2022-2025	162/QĐ-SXD ngày 04/12/2021	8.328	8.328	7.497	7.497		
8	Nâng cấp trung tâm công tác xã hội tỉnh Quảng Ngãi (trụ sở I, II)	BQLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2023-2025	26/QĐ-STC ngày 20/01/2026 của Sở Tài chính	81.365		81.358			
9	Dự án: Nâng cấp, bệnh viện đa khoa tỉnh (Hạng mục: Khu điều trị cán bộ trung cao, khu kỹ thuật cao, các khoa phòng chức năng.	BQLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2022-2025	2062/QĐ-UBND ngày 20/12/2021	110.000	20.000	105.550	15.550		
10	Dự án Hồ chôn lấp rác hợp vệ sinh 5,6 ha và trồng cây xanh cách ly thuộc quy hoạch Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ	BQLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2020-2021	1963/QĐ-UBND ngày 31/12/2025	19.500	19.500	19.010	19.010		
11	Dự án Xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ	BQLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2022-2026	286/QĐ-UBND ngày 08/3/2022	96.058	96.058	91.050	91.050		
12	Trụ sở làm việc Thanh tra tỉnh	BQLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2023-2025	1677/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	35.000	35.000	18.700	18.700		
13	Trường THPT chuyên Lê Khiết - xây dựng ký túc xá; các hạng mục thiết yếu đạt tiêu chuẩn trường chuyên (giai đoạn 2)	BQLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2021-2025	1672/QĐ-UBND ngày 05/12/2022	60.000	60.000	55.150	55.150		
14	Trường THPT Minh Long , hạng mục Nhà tập đa năng và các HMPT	BQLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2023-2025	564/QĐ-UBND ngày 06/7/2021	11.000	11.000	10.150	10.150		
15	Đầu tư xây dựng công trình Khu dân cư Hải Nam (thuộc dự án đầu tư hạ tầng các Khu dân cư trong đô thị Vạn Tường)	BQLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2015-2026	1603/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	61.078	61.078	50.500	50.500		
(2)	Công an tỉnh				126.033	126.033	121.001	121.001	-	
16	Hệ thống camera giám sát an ninh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Công an tỉnh	2023-2025	15/QĐ-UBND ngày 21/9/2023	100.000	100.000	95.100	95.100		
17	Xây dựng Bến, bể, trụ lấy nước chữa cháy trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi và Khu kinh tế Dung Quất	Công an tỉnh	2023-2025	184/QĐ-STC ngày 02/6/2026 của Sở Tài chính	26.033	26.033	25.901	25.901		
(3)	Sở Y tế				34.637	6.098	32.673	-	-	
18	Sửa chữa, nâng cấp Trạm y tế xã Đăk Cẩm, thuộc Chương trình Đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Kon Tum	Sở Y tế	2024-2025	27/QĐ-STC ngày 202/01/2026 của Sở Tài chính	3.451	616	3.181			
19	Xây mới Trạm Y tế xã Hà Môn, huyện Đăk Hà, thuộc Chương trình Đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Kon Tum	Sở Y tế	2024-2025	15/QĐ-STC ngày 19/01/2026 của Sở Tài chính	3.589	676	3.566			
20	Sửa chữa, nâng cấp Trạm Y tế xã Văn Xuôi, huyện Tu Mơ Rông, thuộc Chương trình Đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Kon Tum	Sở Y tế	2024-2025	60/QĐ-STC ngày 03/02/2026 của Sở Tài chính	2.780	499	2.523			
21	Sửa chữa, nâng cấp Trạm Y tế xã Ya Tằng, huyện Sa Thầy, thuộc Chương trình Đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Kon Tum	Sở Y tế	2024-2025	59/QĐ-STC ngày 03/02/2026 của Sở Tài chính	2.879	483	2.667			
22	Xây mới Trạm Y tế xã Sa Nhơn, huyện Sa Thầy, thuộc Chương trình Đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Kon Tum	Sở Y tế	2024-2025	58/QĐ-STC ngày 03/02/2026 của Sở Tài chính	5.178	841	4.893			
23	Sửa chữa, nâng cấp Trạm Y tế xã Đăk Long, huyện Đăk Glei, thuộc Chương trình Đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Kon Tum	Sở Y tế	2024-2025	57/QĐ-STC ngày 03/02/2026 của Sở Tài chính	3.398	557	3.170			
24	Sửa chữa, nâng cấp Trạm Y tế xã Đăk Nhoong, huyện Đăk Glei, thuộc Chương trình Đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Kon Tum	Sở Y tế	2024-2025	56/QĐ-STC ngày 03/02/2026 của Sở Tài chính	3.422	576	3.157			

TT	TÊN DỰ ÁN (*)	Đầu mối giao kế hoạch	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/Quyết định phê duyệt quyết toán			Lũy kế vốn giải ngân dự kiến đến ngày 31/01/2026		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030 NSDP	Ghi chú
				Số Quyết định	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách địa phương		
					Tổng số	Trong đó: NSDP				
25	Sửa chữa, nâng cấp Trạm Y tế xã Ngọc Yêu, huyện Tu Mơ Rông, thuộc Chương trình Đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Kon Tum	Sở Y tế	2024-2025	65/QĐ-STC ngày 05/02/2026 của Sở Tài chính	2.972	496	2.887			
26	Sửa chữa, nâng cấp Trạm Y tế xã Măng Ri, huyện Tu Mơ Rông, thuộc Chương trình Đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Kon Tum	Sở Y tế	2024-2025	117/QĐ-STC ngày 02/4/2026 của Sở Tài chính	3.340	565	3.026			
27	Cải tạo, nâng cấp Trạm Y tế xã Xốp, huyện Đăk Glei, thuộc Chương trình Đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Kon Tum	Sở Y tế	2024-2025	231/QĐ-STC ngày 29/6/2025 của Sở Tài chính	3.628	789	3.603			
(4)	Sở Nội vụ				3.807	3.807	3.800	3.800	-	
28	Trang thiết bị hoạt động nghiệp vụ lưu trữ và bảo quản tài liệu lưu trữ tỉnh Quảng Ngãi	Sở Nội vụ	2022-2025	219/QĐ-UBND ngày 19/01/2026	3.807	3.807	3.800	3.800		Sử dụng nguồn tăng thu, TKC
(5)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch				77.694	77.694	39.700	39.700	-	
29	Trung bày Bảo tàng ngoài trời	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2022-2025	822/QĐ-UBND ngày 20/12/2022	17.854	17.854	14.500	14.500		
30	Tôn tạo di tích Quốc gia Chùa Ông	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2027-2029	808/QĐ-UBND ngày 26/7/2022	14.950	14.950	200	200		
31	Xây dựng hệ thống Đài truyền thanh cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2024-2026	1794/QĐ-UBND ngày 04/12/2023	44.890	44.890	25.000	25.000		
(6)	Sở Khoa học và Công nghệ				37.936	37.936	37.886	37.886	-	
32	Chuyển đổi số hoạt động cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Sở Khoa học và Công nghệ	2022-2024	33/QĐ-STC ngày 22/01/2026 của Sở Tài chính	37.936	37.936	37.886	37.886		
(7)	Đặc khu Lý Sơn				101.679	574	101.105	-	-	
33	Trục đường chính trung tâm huyện Lý Sơn	UBND đặc khu Lý Sơn	2019-2025	22/QĐ-STC ngày 20/01/2026 của Sở Tài chính	101.679	574	101.105			
(8)	Sở Nông nghiệp và Môi trường				182.930	51.499	180.372	-	-	
34	Sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước huyện Sơn Tịnh (Hố Vàng, Hố Đèo, Đá Chồng)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2023-2024	34/QĐ-STC ngày 22/01/2026 của Sở Tài chính	56.054	6.054	55.986			
35	Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Quảng Ngãi (giai đoạn 2) thuộc dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2021-2022	39/QĐ-STC ngày 26/01/2026 của Sở Tài chính	126.877	45.445	124.386			
(9)	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh				58.243	58.243	51.335	51.335	-	
36	Xây dựng mới Đồn Biên phòng Bình Hải	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	2019-2025	844/QĐ-UBND; 231/QĐ-STC ngày 26/6/2026 của Sở Tài chính	27.900	27.900	24.298	24.298		
37	Trạm Kiểm soát Biên phòng Sa Kỳ	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	2024-2026	207/QĐ-STC ngày 19/6/2026 của Sở Tài chính	5.343	5.343	5.100	5.100		
38	Đường vào đường hầm Nghĩa Sơn	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	2023-2026	19/QĐ-UBND ngày 11/10/2021	25.000	25.000	21.937	21.937		
(10)	UBND Xã Bờ Y				22.989	2.989	21.640	1.160	-	
39	Đền thờ liệt sĩ gắn với di tích Chiến thắng Đăk Tô 1967 và Diễm cao 875 lịch sử	UBND xã Bờ Y	2025	255/QĐ-UBND 04/4/2025	22.989	2.989	21.640	1.160		
(11)	UBND xã Măng Đen				56.847	15.000	56.695	-	-	
40	Đường từ trung tâm huyện Kon Plông kết nối đường Đông Trường Sơn	UBND xã Măng Đen	2023-2024	25/QĐ-STC ngày 20/01/2026 của Sở Tài chính	56.847	15.000	56.695			
(12)	BQL dự án đầu tư Tây Quảng Ngãi				945.224	945.224	694.048	694.048	-	
41	Đầu tư hạ tầng Khu du lịch văn hóa, lịch sử Ngục Kon Tum	BQL dự án đầu tư Tây Quảng Ngãi	2018-2025	1153 ngày 31/10/2017; 792 ngày 08/12/2022; 873 ngày 29/12/2024	127.040	127.040	43.332	43.332		
42	Trụ sở làm việc các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh	BQL dự án đầu tư Tây Quảng Ngãi	2022	51/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	75.000	75.000	72.738	72.738		
43	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống tưới Hồ chứa Đăk Car và đập Đăk Sia II, huyện Sa Thầy	BQL dự án đầu tư Tây Quảng Ngãi	2022	684/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	118.000	118.000	99.245	99.245		
44	Kè chống lũ lụt, sạt lở các làng đồng bào dân tộc thiểu số dọc sông Đăk Bla trên địa bàn thành phố Kon Tum (tuyến Bờ Bắc - đoạn từ làng Kon Hra Chốt đi làng Kon Tum Kơ Năm, Kon Klor I và Kon Tum Kơ Pong)	BQL dự án đầu tư Tây Quảng Ngãi	2021	1106/QĐ-UBND ngày 10/11/2020	473.441	473.441	355.614	355.614		
45	Trụ sở làm việc của các Sở, ban ngành thuộc Khối văn hóa xã hội	BQL dự án đầu tư Tây Quảng Ngãi	2018	912/QĐ-UBND ngày 22/8/2016; 510/QĐ-UBND ngày 23/5/2018; 1133/QĐ-UBND ngày 16/11/2020	151.743	151.743	123.120	123.120		
(13)	BQL DA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh				5.225.921	2.772.720	4.432.340	2.081.868	-	
46	Cầu Cửa Đại	BQL DA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh	2017-2023	468/QĐ-UBND ngày 20/3/2017; 1679/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	2.250.000	750.000	2.126.163	626.163		
47	Hợp phần di dân, tái định cư Hồ chứa nước Nước Trong	BQL DA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh	2005-2025	3492/QĐ-CT ngày 31/12/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh	656.141	2.940	573.523	3.052		
48	Thành phần II, đoạn Bình Long - cảng Dung Quất (giai đoạn 2)	BQL DA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh	2013-2025	117/QĐ-BQL ngày 21/3/2006, 629/QĐ-BQL ngày 23/9/2008	446.978	146.978	338.557	58.557		

TT	TÊN DỰ ÁN (*)	Đầu mối giao kế hoạch	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/Quyết định phê duyệt quyết toán			Lũy kế vốn giải ngân dự kiến đến ngày 31/01/2026		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030 NSDP	Ghi chú
				Số Quyết định	Tổng mức đầu tư					
					Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách địa phương		
49	Mặt đường, vỉa hè, điện chiếu sáng, cấp thoát nước Đường số 8 KCN Tịnh Phong	BQL DA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh	2017-2025	40/QĐ-STC ngày 26/01/2026 của Sở Tài chính	16.536	16.536	16.100	16.100		
50	Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển Khu đô thị mới An Phú (đảo Ngọc), thành phố Quảng Ngãi	BQL DA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh	2022	1794/QĐ-UBND ngày 10/12/2025	3.558	3.558	3.581	3.581		
51	Đập ngăn mặn Bình Nguyên và Bình Phước	BQL DA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh	2018 - 2025	256/QĐ-STC ngày 17/7/2026 của Sở Tài chính	97.655	97.655	92.538	92.538		
52	Đường Tri Bình - Cảng Dung Quất	BQL dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh	2014-2025	648/QĐ-UBND ngày 29/4/2014	1.113.277	1.113.277	831.167	831.167		
53	Khu dân cư trục đường Bầu Giang - Cầu Mới	BQL dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh	2006-2018	932/QĐ-UBND ngày 20/6/2012; 1077/QĐ-UBND ngày 30/6/2015	641.777	641.777	450.711	450.711		
(14)	Trung tâm phát triển quỹ đất				69.635	69.635	28.393	28.393		
54	Khu dân cư dịch vụ phục vụ Khu công nghiệp Tịnh Phong (giai đoạn 1)	Trung tâm phát triển quỹ đất	2010-2027	2090/QĐ-UBND ngày 30/11/2009	69.635	69.635	28.393	28.393	-	
(15)	Sở Công Thương				933.790	140.168	191.762	24.862	-	
55	Dự án đầu tư xây dựng công trình cấp điện nông thôn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2013-2020	Sở Công Thương	2013-2020	896/QĐ-UBND ngày 20/6/2014; 1006/QĐ-UBND ngày 9/7/2021	806.000	121.000	87.762	20.862		
56	Tiểu dự án cấp điện nông thôn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2018-2020	Sở Công Thương	2018-2020	3337/QĐ-BCT ngày 17/9/2018 và 981/QĐ-UBND ngày 11/7/2019, 1014/QĐ-UBND ngày 12/7/2021	127.790	19.168	104.000	4.000		
B	Dự án của huyện chuyển về tỉnh				2.225.328	2.192.327	1.759.203	1.729.165	-	
(1)	Công an tỉnh				10.000	10.000	2.483	2.483	-	
-	Trà Bồng									
57	Hệ thống camera an ninh	Công an tỉnh	2024-2025	4832/QĐ-UBND ngày 20/10/2023	10.000	10.000	2.483	2.483		
(2)	BQLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh				1.459.485	1.459.485	1.241.593	1.241.593	-	
-	Tư Nghĩa									
58	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường cầu đập (Nghĩa Mỹ - Nghĩa Phương)	BQLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2024 - 2026	6159/QĐ-UBND ngày 2/12/2025	1.100	1.100	1.100	1.100		
59	Trạm bơm Điện An 4, xã Nghĩa Thương	BQLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2023 - 2025	15921/QĐ-UBND ngày 12/10/2021	1.097	1.097	1.097	1.097		
60	Mở rộng trụ sở làm việc Huyện uỷ Tư Nghĩa	BQLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2023 - 2025	1363/QĐ-UBND ngày 13/4/2022	5.000	5.000	3.860	3.860		
61	Đường trục chính phía tây thị trấn La Hà	BQLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2017 - 2023	1668/QĐ-UBND ngày 07/9/2017	109.131	109.131	81.191	81.191		Đã bàn giao về xã (QĐ số 2277/QĐ-UBND ngày 11/9/2026)
62	Đường Nghĩa Hòa - Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa	BQLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2015 - 2024	2405/QĐ-UBND ngày 18/6/2020	58.351	58.351	48.274	48.274		
63	Sửa chữa, cải tạo và mở rộng trường Mầm non Nghĩa Kỳ	BQLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2020-2025	7648/QĐ-UBND ngày 10/11/2023	6.260	6.260	4.634	4.634		
-	Đức Phổ									
64	Hệ thống thoát nước trung tâm thị trấn Đức Phổ	BQLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2018-2022	2035/QĐ -UBND ngày 31/10/2017	41.998	41.998	33.200	33.200		
65	Chỉnh trang các tuyến đường Trần Hưng Đạo, Ngô Quyền, thị xã Đức Phổ	BQLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2023	4998/QĐ-UBND ngày 25/11/2022	75.000	75.000	65.215	65.215		
66	Đường QL1A-Mỹ Á-KCN Phổ Phong (GD 1)	BQLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2011	1580/QĐ-UBND ngày 28/10/2011	45.156	45.156	34.309	34.309		
67	Kè chống sạt lở bờ các điểm dọc sông Trà cầu	BQLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2022	13593/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	50.000	50.000	48.900	48.900		
-	Mộ Đức									
68	Đường vào vùng lõi trang trại bò sữa Vinamilk	BQLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2018-2025	3956/QĐ-UBND ngày 24/9/2018	20.000	20.000	19.087	19.087		
69	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Đức Tân - Phổ Phong (giai đoạn 1)	BQLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2023-2025	5761/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	19.990	19.990	16.074	16.074		
70	Tuyến đường Bầu Súng - Biển Đạm Thủy Bắc (ĐH.34B)	BQLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2021-2025	13/NQ-HĐND ngày 29/6/2021	35.500	35.500	34.346	34.346		
71	Kè, khu neo đậu trú bão kết hợp bến cá, khu hậu cần nghề cá và khu dân cư xã Đức Lợi	BQLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2017 - 2025	4723/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	51.761	51.761	44.000	44.000		
72	Trường Tiểu học Đức Phú; HM: Khối hiệu bộ và các phòng học bộ môn;	BQLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2024-2025	16812/QĐ-UBND ngày 18/11/2021	5.200	5.200	4.280	4.280		
73	Xây dựng hạ tầng Cụm công nghiệp Quán Lát, huyện Mộ Đức	BQLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2019-2025	4433/QĐ-UBND ngày 27/9/2019	14.995	14.995	8.134	8.134		

TT	TÊN DỰ ÁN (*)	Đầu mối giao kế hoạch	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/Quyết định phê duyệt quyết toán			Lũy kế vốn giải ngân dự kiến đến ngày 31/01/2026		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030 NSDP	Ghi chú
				Số Quyết định	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách địa phương		
					Tổng số	Trong đó: NSDP				
74	Trường Tiểu học Thạch trụ, hạng mục: xây 06 phòng học bộ môn	BQLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2025	185/QĐ-STC ngày 02/6/2026 của Sở Tài chính	3.102	3.102	3.042	3.042		
75	Tuyến đường Quốc lộ 1A - Đá Bạc	BQLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2019-2024	1932/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	50.000	50.000	46.300	46.300		
76	Trường Tiểu học Đức Chánh; hạng mục: xây nhà bán trú và bếp ăn (06 phòng 2 tầng)	BQLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2021-2025	5021/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	5.200	5.200	4.190	4.190		
77	Trường Tiểu học Đức Thắng, hạng mục: 10 phòng học, Khu nhà ăn bán trú	BQLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2022-2025	17104/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	7.200	7.200	6.029	6.029		
-	Nghĩa Hành									
78	Hệ thống điện chiếu sáng đường ĐH.624, đoạn qua huyện Nghĩa Hành	BQLDA ĐTXD các công trình DD và CN tỉnh	2022-2023	5734/QĐ-UBND ngày 12/9/2023 của UBND huyện Nghĩa Hành (cũ)	23.091	23.091	21.970	21.970		
79	Di dân, tạo quỹ đất sạch để thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	BQLDA ĐTXD các công trình DD và CN tỉnh	2021-2023	2000/QĐ-UBND ngày 23/4/2025 của UBND huyện Nghĩa Hành (cũ)	111.432	111.432	110.441	110.441		
80	Cầu Hành Dũng- Hành Nhân	BQLDA ĐTXD các công trình DD và CN tỉnh	2021-2024	2150/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 của UBND huyện Nghĩa Hành (cũ)	40.000	40.000	34.436	34.436		
-	Thành phố Quảng Ngãi									
81	Cầu Thạch Bích	BQLDA ĐTXD các công trình DD và CN tỉnh	2016-2026	323/QĐ-UBND ngày 03/3/2016	643.184	643.184	536.783	536.783		
82	Nâng cấp đường Bùi Thị Xuân (đoạn Chu Văn An - Nguyễn Đình Chiểu)	BQLDA ĐTXD các công trình DD và CN tỉnh	2011-2025	2230/QĐ-UBND ngày 19/5/2011	14.406	14.406	12.102	12.102		
83	Đường Hoàng Văn Thụ nối dài (ĐH.24C)	BQLDA ĐTXD các công trình DD và CN tỉnh	2024-2025	132/QĐ-STC ngày 17/04/2026 của Sở Tài chính	6.930	6.930	6.500	6.500		
84	Khắc phục hậu quả thiên tai tại cầu Bàu Xóm	BQLDA ĐTXD các công trình DD và CN tỉnh	2026	45/QĐ-UBND ngày 13/01/2026	12.000	12.000	12.000	12.000		
85	Thoát nước đường Bích Khê (đoạn từ chi cục bảo vệ thực vật đến cổng Bàu He)	BQLDA ĐTXD các công trình DD và CN tỉnh	2019	7760/QĐ-UBND ngày 23/10/2017	2.400	2.400	100	100		
(3)	Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình Giao thông tỉnh				322.200	322.200	235.900	235.900	-	
-	Bình Sơn									
86	Hồ chứa nước Hồ Lở Bình Minh	BQL dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh	2024-2026	1969/QĐ-UBND ngày 07/11/2008	46.000	46.000	594	594		
87	Trường THCS Bình Minh	BQL dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh	2025	2124a/QĐ-UBND ngày 14/12/2023	8.000	8.000	7.736	7.736		
88	Trường Mầm non Mỹ Long An	BQL dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh	2025	2124/QĐ-UBND ngày 09/10/2024	8.000	8.000	7.550	7.550		
89	Trạm bơm điện thôn Phước Tích	BQL dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh	2025	35/QĐ-UBND ngày 06/01/2023	1.900	1.900	1.210	1.210		
-	Sơn Tịnh									
90	Nhà đa năng trường THCS Tịnh Bắc	BQL dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh	2024-2026	2946/QĐ-UBND ngày 18/12/2024	6.000	6.000	4.249	4.249		
-	Trà Bồng									
91	Tuyến đường từ Cây chò đi Trà Nham	BQL dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh	2022-2025	9539/QĐ-UBND ngày 04/12/2021	70.000	70.000	62.200	62.200		
92	Đường Giá Gối - Mô Níc (giai đoạn 2)	BQL dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh	2022-2025	5944/QĐ-UBND ngày 04/12/2021	45.000	45.000	29.341	29.341		
93	Trường TH&THCS Sơn Bao	BQL dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh	2023-2025	228/QĐ-UBND ngày 10/3/2025	5.800	5.800	2.800	2.800		
-	Sơn Tây									
94	Khắc phục đường Sơn Tân - Sơn Lập (ĐH.83) và khu dân cư Anh Nhoi 2	BQL dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh	2021 - 2024	2962/QĐ-UBND ngày 02/12/2021	59.500	59.500	55.050	55.050		
-	Sơn Hà									
95	Tuyến đường số 2 nội vùng Hồ Nước Trong	BQL dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh	2022-2026	5944/QĐ-UBND ngày 04/12/2021	72.000	72.000	65.170	65.170		
(4)	Trung tâm phát triển quỹ đất				433.643	400.642	279.226	249.188	-	
-	Tư Nghĩa									
96	KDC phía Nam C19	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	2017-2018	4185/QĐ-UBND ngày 24/08/2017	30.395	30.395	16.734	16.734		
97	Khu dân cư dọc đường trục chính phía Tây trung tâm thị trấn La Hà	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	2016-2017	1120B/QĐ-UBND ngày 31/3/2016; 9711/QĐ-UBND ngày 28/12/2018	74.500	74.500	41.262	41.262		
-	TP Quảng Ngãi									
98	KDC Nghĩa Phú (giai đoạn 2)	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	2016-2018	7500/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	29.403	29.403	19.929	19.929		
99	Khu dịch vụ và dân cư phía Bắc Gò Đá, phường Lê Hồng Phong	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	2010-2011	7026/QĐ-UBND ngày 31/12/2010	105.769	105.769	75.239	75.239		
100	Hạ tầng và Khu dân cư An Vĩnh, xã Tịnh Kỳ	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	2026-2027	4868/QĐ-UBND ngày 16/10/2023	23.000	23.000	513	513		
101	Khu dân cư đường Trần Khánh Dư phục vụ tái định cư dự án Khu đô thị bờ Nam sông Trà Khúc	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	2013-2025	3521/QĐ-UBND ngày 24/9/2013	44.397	44.397	29.073	29.073		
-	Mô Đức									

TT	TÊN DỰ ÁN (*)	Đầu mối giao kế hoạch	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/Quyết định phê duyệt quyết toán			Luỹ kế vốn giải ngân dự kiến đến ngày 31/01/2026		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030 NSDP	Ghi chú
				Số Quyết định	Tổng mức đầu tư					
					Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách địa phương		
102	Quy hoạch khép kín KDC để thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất xã Đức Lân (giai đoạn 2)	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	2021-2023	17631/QĐ-UBND ngày 13/12/2021	1.650	1.650	885	885		
103	Khu DC và chợ xã Đức Nhuận (gđ1), xã Đức Nhuận	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	2020-2025	5129/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	12.998	12.998	11.346	11.346		
104	Khu TM&DV Bắc cửa hàng xăng dầu Quán Lát	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	2020-2024	4787/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	14.994	14.994	999	999		
105	KDC phía Đông chợ Văn Bản, xã Đức Chánh	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	2019-2025	12894/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	3.821	3.821	2.309	2.309		
106	KDC Tân Phú, xã Đức Lợi	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	2019-2025	5143/QĐ-UBND ngày 30/10/2029	14.552	14.552	10.586	10.586		
-	Sơn Tinh									
107	Điểm dân cư số 5, thôn Bình Đông, xã Tịnh Bình	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	2022-2025	1802/QĐ-UBND ngày 06/7/2023	3.700	3.700	2.850	2.850		
-	Sơn Tây									
108	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư tập trung tại xã Sơn Long, huyện Sơn Tây	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	2021-2022	2112/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	29.000	29.000	25.000	25.000		
109	Khắc phục hậu quả thiên tai, sạt lở Khu dân cư Đăk Dép, xã Sơn Mầu, huyện Sơn Tây	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh	2024-2025	1620/QĐ-UBND ngày 29/8/2024	45.464	12.463	42.501	12.463		
C	Dự án của huyện chuyển về xã, phường				247.349	183.942	150.721	98.788	-	
(1)	UBND Xã Đăk Hà				143.569	80.163	120.716	68.783	-	
110	Nhà văn hóa thị trấn Đăk Hà	UBND xã Đăk Hà	2024-2025	724/QĐ-UBND 24/10/2024	2.000	2.000	1.946	1.946		
111	Đường giao thông nông thôn từ xã Đăk La đi Ngọc Réo huyện Đăk Hà	UBND xã Đăk Hà	2018	776/QĐ-STC ngày 24/8/2021 của UBND tỉnh Kon Tum (cũ)	60.188	8.255	55.188	3.255		
112	Di tích lịch sử cách mạng Điểm cao 601	UBND xã Đăk Hà	2025-2026	983/QĐ-UBND ngày 29/7/2026 của UBND xã Đăk Hà	5.561	5.561	5.390	5.390		
113	Cải tạo, nâng cấp đường Tô Hiến Thành,	UBND xã Đăk Hà	2024	181/QĐ-UBND ngày 07/3/2022	13.000	13.000	11.728	11.728		
114	Nâng cấp via hè tuyến đường Hùng Vương đoạn qua trung tâm Thị trấn Đăk Hà, giai đoạn 1: Điểm đầu từ cây xăng Thanh Phương, điểm cuối tại nút giao đường Chu Văn An (Tượng đài văn hóa)	UBND xã Đăk Hà	2024	132/QĐ-UBND ngày 25/3/2024	14.900	14.900	13.495	13.495		
115	Đường Nguyễn Trãi, thị trấn Đăk Hà	UBND xã Đăk Hà	2024	449/QĐ-UBND ngày 01/7/2024	20.844	9.371	9.371	9.371		
116	Đầu tư khắc phục sạt lở đất ở suối Đăk Uy, huyện Đăk Hà	UBND xã Đăk Hà	2024	570/QĐ-UBND ngày 06/8/2024	4.400	4.400	4.290	4.290		
117	Đường giao thông từ TDP 10, thị trấn Đăk Hà đi xã Đăk Ngọc (Đoạn từ nhà ông Đoàn Ngọc Còi, TDP 10 đến giáp ranh giới xã Đăk Ngọc); Hạng mục: Nền, mặt đường và công trình thoát nước	UBND xã Đăk Hà	2024	1081/QĐ-UBND ngày 29/10/2024	8.410	8.410	7.766	7.766		
118	Trụ sở làm việc Công an các xã, thị trấn; Hạng mục: Cổng, tường rào và các hạng mục phụ trợ khác	UBND xã Đăk Hà	2025	179/QĐ-UBND ngày 10/02/2025	3.266	3.266	155	155		
119	Cụm công nghiệp Đăk La	UBND xã Đăk Hà	2025	569/QĐ-UBND ngày 24/3/2025	11.000	11.000	11.388	11.388		
(2)	UBND xã Ba Gia				2.100	2.100	780	780	-	
120	Đường xã, tuyến Nhà ông Đức - Kỳ Quới (núi dài)	UBND xã Ba Gia	2025	795/QĐ-UBND ngày 27/04/2023	500	500	180	180		
121	Lát gạch Block sân nền trước cổng Nghĩa trang liệt sĩ	UBND xã Ba Gia	2025	226/QĐ-UBND ngày 06/02/2025	600	600	200	200		
122	Đường xã Tuyến Trần Văn Triệu đi nhà ông Nguyễn Tấn Thu (núi dài)	UBND xã Ba Gia	2025	807/QĐ-UBND ngày 28/04/2023	500	500	200	200		
123	Đường thôn, tuyến Nhà ông Hưng - nhà ông Minh	UBND xã Ba Gia	2025	1774/QĐ-UBND ngày 03/7/2023	500	500	200	200		
(3)	UBND xã Thọ Phong				2.049	2.049	960	960	-	
124	Nâng cấp, sửa chữa đường xã, tuyến Tinh Lộ 622C - Đăng Kiếm	UBND xã Thọ Phong	2025	12/NQ-HĐND ngày 24/4/2025	800	800	360	360		
125	Tuyến Lê Văn Minh - QL 1A	UBND xã Thọ Phong	2025	256/NQ-HĐND ngày 29/10/2021	500	500	200	200		
126	Đường trục thôn; Tuyến Nhà sinh hoạt xóm 1 Thọ Nam – Tịnh Sơn	UBND xã Thọ Phong	2025	744/QĐ-UBND ngày 11/4/2025	749	749	400	400		
(4)	UBND Xã Lân Phong				1.900	1.900	1.000	1.000	-	
127	Vùng sản xuất nông nghiệp xã Đức Lân	UBND xã Lân Phong	2021-2025	315a/QĐ-UBND ngày 19/12/2023	1.900	1.900	1.000	1.000		
(5)	UBND Xã Long Phụng				6.100	6.100	2.290	2.290	-	
128	Đ.xã: BTXM tuyến Bầu Dài - Nghĩa trang liệt sĩ	UBND xã Long Phụng	2021-2025	774/QĐ-UBND, ngày 11/11/2021	2.000	2.000	800	800		
129	Vùng sản xuất nông nghiệp Đức Hiệp	UBND xã Long Phụng	2021-2025	244/QĐ-UBND ngày 07/12/2023	2.100	2.100	1.490	1.490		
130	Vùng sản xuất nông nghiệp xứ đồng Bờ Sông	UBND xã Long Phụng	2025-2027	373/QĐ-UBND ngày 07/12/2023	2.000	2.000				
(6)	UBND Xã Mộ Đức				9.370	9.370	2.224	2.224	-	
131	Vùng sản xuất nông nghiệp xã Đức Phú (giai đoạn 1)	UBND xã Mộ Đức	2022-2025	238/QĐ-UBND, ngày 12/11/2021	2.000	2.000	500	500		
132	Vùng sản xuất nông nghiệp VietGap Phước Tây, Phước Điền	UBND xã Mộ Đức	2022-2025	428/QĐ-UBND, ngày 10/11/2021	2.000	2.000	625	625		
133	Vùng sản xuất nông nghiệp trước KDC 17, thị trấn Mộ Đức	UBND xã Mộ Đức	2022-2025	449/QĐ-UBND, ngày 12/11/2021	2.190	2.190	740	740		

TT	TÊN DỰ ÁN (*)	Đầu mối giao kế hoạch	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/Quyết định phê duyệt quyết toán			Lũy kế vốn giải ngân dự kiến đến ngày 31/01/2026		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030 NSDP	Ghi chú
				Số Quyết định	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách địa phương		
					Tổng số	Trong đó: NSDP				
134	Vùng sản xuất nông nghiệp Hồ Mua - Suối Mơ, xã Đức Tân	UBND xã Mộ Đức	2022-2025	20/NQ-HĐND, ngày 05/11/2021	3.180	3.180	359	359		
(7)	UBND xã An Phú				2.215	2.215	1.942	1.942		
135	Nâng cấp mặt đường và đầu tư hệ thống thoát nước từ ông Bùi Văn Trà đến trường Tiểu học, xã Nghĩa Đồng	UBND xã An Phú	2025-2026	2512/QĐ-UBND ngày 06/8/2026 của UBND xã An Phú	1.078	1.078	975	975		
136	Nâng cấp mặt đường và đầu tư hệ thống thoát nước từ nhà ông Lê Văn Thuận đến Ninh Thị Vinh kết nối mương đến đường Trần Anh Tông, xã Nghĩa Đồng	UBND xã An Phú	2025-2026	2554/QĐ-UBND ngày 13/8/2026 của UBND xã An Phú	1.137	1.137	967	967		
(8)	UBND phường Đăk Cấm				44.962	44.962	17.127	17.127		
137	Đường Ngô Thị Nhậm (đoạn Ure - Đình Công Tráng), phường Duy Tân, thành phố Kon Tum	UBND phường Đăk Cấm	2023-2027	2903/QĐ-UBND ngày 13/11/2020;1576/QĐ-UBND ngày 31/7/2023	34.022	34.022	7.473	7.473		
138	Chỉnh trang đô thị đầu tư hạ tầng Khu đô thị mới phía Bắc Duy Tân, thành phố Kon Tum	UBND phường Đăk Cấm	2025-2026	781/QĐ-UBND ngày 12/3/2022	10.940	10.940	9.654	9.654		
(9)	UBND Phường Kon Tum				35.083	35.083	3.682	3.682		
139	Dự án đầu tư chỉnh trang đô thị, tạo quỹ đất để thực hiện quy hoạch Tổ hợp khách sạn, trung tâm thương mại, dịch vụ tại phường Thống Nhất, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	UBND Phường Kon Tum	2025-2027	205/QĐ-UBND ngày 27/02/2019; 147/QĐ-UBND ngày 08/3/2021	35.083	35.083	3.682	3.682		

(*) Đây là các dự án đã hoàn thành, đang làm thủ tục quyết toán dự án được các Chủ đầu tư báo cáo, đối với các danh mục phát sinh, căn cứ cơ cấu tính còn thiếu theo quyết định phê duyệt quyết toán của cấp có thẩm quyền, UBND tỉnh sẽ trình HĐND tỉnh xem xét bố trí trả nợ chi tiết trong kế hoạch hằng năm theo đúng quy định